

## CHUYỂN ĐỔI VIỆC LÀM CỦA NÔNG DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Lê Thị Mỹ Hà

*Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Hồ Chí Minh*

### TÓM TẮT

*Dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu ngành nghề của các hộ nông dân ở thành phố Hồ Chí Minh có sự chuyển nhanh từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Tỷ lệ lao động làm nông nghiệp cả hai phương diện hộ và nhân khẩu đều giảm mạnh, tỷ lệ lao động mang tính phi nông nghiệp tăng lên. Nhiều nông dân đã chuyển thành công nhân, người buôn bán nhỏ, kinh doanh nhà trọ, làm thuê tự do. Sự chuyển đổi là do các nguyên nhân từ sự biến động diện tích đất nông nghiệp, trình độ học vấn, mối quan hệ gia đình...*

**Từ khóa:** nông dân, việc làm, ngành nghề, lao động, chuyển đổi

\*

### 1. Đặt vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) là địa phương đi đầu cả nước về phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH). Quá trình đô thị hóa, CNH, HĐH phát triển với tốc độ nhanh, đặc biệt là khu vực ngoại vi của nội thành, đã làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng nông thôn TP.HCM, nhất là các khu vực ven các trục lộ giao thông và cận đô thị. Mức độ thâm nhập của công nghiệp vào cơ cấu lao động ở nông thôn, mức độ thâm nhập của lối sống đô thị vào cư dân nông thôn, của cơ chế kinh tế thị trường đã từng bước làm thay đổi xã hội nông thôn TP.HCM.

Kể từ sau năm 1997, TP.HCM tiến hành tách các huyện ngoại thành để hình thành thêm các quận, tốc độ đô thị hóa ở các quận huyện này trở nên mạnh mẽ hơn trước. Diện tích đất nông nghiệp ở các khu vực này cũng vì thế thay đổi, lượng người nhập cư ngày một đông. Cùng với việc thực

hiện chiến lược phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH, các khu công nghiệp, khu chế xuất được xây dựng ngày một nhiều. Các dự án khu dân cư mới, khu tái định cư... đã và đang được quy hoạch và thực hiện ở ngoại thành với mật độ cao. Điều đó làm cho diện mạo nông thôn nói riêng và toàn thành phố nói chung thay đổi nhanh chóng theo chiều hướng mới.

Để tìm hiểu về xu hướng vận động, phát triển của nông thôn TP.HCM trong quá trình CNH, HĐH, chúng tôi dựa trên kết quả điều tra, khảo sát của đề tài “*Nông dân, nông thôn TP.HCM trong quá trình CNH, HĐH*”<sup>(1)</sup>, để làm tư liệu phân tích trong bài viết này. Đề tài đã tiến hành điều tra định lượng 600 bảng hỏi hộ gia đình dành cho đối tượng là những gia đình sống tại thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1986 và hiện đang làm nông nghiệp hoặc đã từng làm nông nghiệp cho đến năm 1997. Số phiếu khảo sát dành cho các huyện ngoại thành là 300 phiếu và các quận là 300 phiếu

vào năm 2010. Ngoài ra, chúng tôi còn thực hiện 23 cuộc phỏng vấn sâu liên quan đến đời sống kinh tế – văn hóa – xã hội của nông dân TP.HCM.

## 2. Chuyển đổi việc làm của nông dân thành phố Hồ Chí Minh dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa

### 2.1. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề ở nông thôn

Trong khoảng 10 năm gần đây, cơ cấu ngành nghề của các hộ nông dân TP.HCM đã có sự chuyển dịch theo xu hướng giảm dần của các hộ làm nông, lâm nghiệp, thủy sản và tăng lên bởi các hộ công thương nghiệp, dịch vụ... Sự tăng giảm này được biểu hiện cụ thể qua số liệu thống kê sau:

**Bảng 1:** Cơ cấu ngành nghề của các hộ nông dân (ĐVT: %/tổng số hộ)

| TT | Loại hộ                       | 2001       | 2006       | 2011       |
|----|-------------------------------|------------|------------|------------|
| 1  | Hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản | 29,97      | 19,3       | 9,8        |
| 2  | Hộ công nghiệp và xây dựng    | 33,02      | 39,7       | 41,8       |
| 3  | Hộ thương nghiệp và dịch vụ   | 33,30      | 38,0       | 45,2       |
| 4  | Hộ khác                       | 3,71       | 3,0        | 3,2        |
|    | <b>Tổng cộng</b>              | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> |

(Nguồn: Điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản TP.HCM năm 2001–2011, Cục Thống kê TP.HCM)

Trong năm 2001, cơ cấu ngành nghề trong hoạt động kinh tế của người dân ở nông thôn biểu thị tương đối cân bằng giữa ba nhóm ngành là *nông – lâm nghiệp – thủy sản*, *công nghiệp – xây dựng* và *thương nghiệp – dịch vụ*. Các nhóm ngành này có tỷ lệ hộ tham gia trong biên độ dao động từ 29,97% đến 33,3%. Nhưng đến năm 2006, chỉ 5 năm sau, tỷ lệ này đã có sự thay đổi rõ nét, trong đó, thay đổi lớn nhất là sự sụt giảm của tỷ lệ hộ làm *nông – lâm nghiệp – thủy sản*, giảm 10,67% trong 5 năm; trái ngược với đó là tỷ lệ của những hộ tham

gia vào các ngành *công nghiệp – xây dựng*, *thương nghiệp – dịch vụ* lại tăng lên tương ứng là 6,7% và 4,7%.

Theo thống kê vào tháng 7/2011, tỷ lệ tăng và giảm như trên cũng diễn ra giống với 5 năm trước đó. Trong đó, tỷ lệ hộ làm *nông – lâm nghiệp – thủy sản* ở nông thôn thành phố đã giảm đi 9,5% so với năm 2006; *công nghiệp – xây dựng* tăng lên 2,1%, *thương nghiệp – dịch vụ* tăng lên 7,2%.

Khi xét đến từng huyện trong khu vực nông thôn, chúng tôi nhận thấy từ năm 2006 đến năm 2011, mỗi huyện có tỷ lệ chuyển dịch khác nhau trong từng nhóm ngành nghề.

**Bảng 2:** Chuyển dịch các nhóm ngành nghề ở nông thôn (ĐVT: %/tổng số hộ)

| TT | Huyện      | Nông, lâm nghiệp, thủy sản |      | Công nghiệp, xây dựng |      | Dịch vụ |      |
|----|------------|----------------------------|------|-----------------------|------|---------|------|
|    |            | 2006                       | 2011 | 2006                  | 2011 | 2006    | 2011 |
| 1  | Củ Chi     | 30,1                       | 19,3 | 38,9                  | 38,2 | 27,7    | 37,9 |
| 2  | Hóc Môn    | 8,0                        | 4,2  | 43,6                  | 38,9 | 44,9    | 54,0 |
| 3  | Bình Chánh | 13,8                       | 4,8  | 40,0                  | 49,4 | 44,0    | 44,1 |
| 4  | Nhà Bè     | 12,3                       | 3,4  | 46,8                  | 39,4 | 37,7    | 51,6 |
| 5  | Cần Giờ    | 47,2                       | 34,7 | 16,0                  | 22,0 | 34,0    | 39,6 |

(Nguồn: Báo cáo sơ bộ kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011)

Theo bảng thống kê trên, từ năm 2006 đến tháng 7/2011, tình hình chuyển dịch cơ cấu ngành nghề ở các huyện như sau:

– Tỷ lệ hộ làm *nông – lâm nghiệp – thủy sản* ở các huyện Củ Chi giảm 10,8%, huyện Hóc Môn đã giảm 3,8%, huyện như Bình Chánh giảm 9,0%, huyện Nhà Bè giảm 9,9% và huyện Cần Giờ giảm 12,5%.

– Đối với nhóm nghề *công nghiệp và xây dựng*, tỷ lệ hộ tham gia ở Bình Chánh tăng lên 9,4%, Cần Giờ tăng 6%, các huyện còn lại đều giảm từ 0,7% đến trên 7%.

– Riêng đối với nhóm nghề *dịch vụ*, hầu hết các huyện ngoại thành đều có tỷ lệ tăng, trong đó tăng nhiều nhất là huyện Nhà

Bè với 13,9%, tiếp đến là huyện Củ Chi tăng 10,2%, huyện Hóc Môn tăng 9,1%, Cần Giờ tăng 5,6% và Bình Chánh tăng nhẹ chỉ 0,1%.

Với sự chuyển dịch như trên cho thấy, xu hướng hoạt động kinh tế *nông – lâm nghiệp – thủy sản* của người dân ở nông thôn giảm mạnh, và thay vào đó là các nhóm ngành *công nghiệp – xây dựng, thương nghiệp – dịch vụ*.

Nếu xét riêng dưới góc độ nông nghiệp, sự chuyển dịch này diễn ra cụ thể ở một số nơi như sau:

*Tại huyện Nhà Bè:* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã diễn ra theo xu hướng “phá thế cây lúa độc canh một vụ năng suất thấp thành những vùng nuôi tôm sú (903,6ha); chăn nuôi kết hợp với thủy sản, mô hình VAC, trồng hoa và cây kiểng...”<sup>(6)</sup>.

*Ở huyện Cần Giờ:* Thay đổi từ trồng trọt sang chăn nuôi và kể cả nuôi trồng thủy sản. Trong đó, nông dân huyện Cần Giờ đã chuyển sang nuôi các loại động vật như heo rừng, dê; và đặc biệt là nuôi chim yến. Việc nuôi chim yến ở Cần Giờ mới xuất hiện trong những năm gần đây, nhưng thu hút khá đông hộ tham gia (khoảng trên 30 hộ ở các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Lý Nhơn, Long Hòa và thị trấn Cần Thạnh); ngoài ra, các hộ nông dân của huyện còn chuyển đất canh tác sang việc đào ao nuôi tôm sú...

*Tại các huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn...* cũng đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong lĩnh vực chăn nuôi và trồng trọt; như hạn chế tăng diện tích trồng lúa, chuyển sang nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi bò sữa, đặc biệt là trồng hoa lan – cây cảnh và nuôi cá cảnh...

Ở các quận vùng ven như Thủ Đức, Gò Vấp, Bình Tân, quận 2, quận 9, quận 12...

việc chuyển đổi cây trồng – vật nuôi trong những năm gần đây diễn ra mạnh mẽ. Đặc biệt, việc xóa độc canh cây lúa và các vườn mai truyền thống diễn ra mạnh ở các quận này để thay vào đó là các loại cây kiểng, bonsai... trong đó phát triển mạnh là các vườn trồng lan và mai ghép, mai thế.

Đặc biệt, trong sự chuyển đổi cây trồng ở nông thôn và kể cả ở các quận vùng ven, chúng tôi nhận thấy, việc trồng lan đang được nhiều người chú trọng. Có thể nói, đây là mô hình chuyển đổi cây trồng có hiệu quả kinh tế cao. Như trong đợt khảo sát vào tháng 7–2010, ở Bình Chánh và Củ Chi, chúng tôi đã phỏng vấn một số hộ trồng lan tại đây và được biết, nghề trồng lan không chỉ mang đến cho họ thu nhập ổn định mà còn có thể vươn lên làm giàu. Ngoài mô hình trồng lan, người dân ở nông thôn còn chuyển sang các loại hình như nuôi dê, nhím, heo rừng, cá kiểng,... Tuy việc chuyển đổi một số loại hình vật nuôi – cây trồng đã mang đến nguồn thu nhập cao, nhưng không phải người dân nào cũng thực hiện được, vì nguồn vốn bỏ ra nhiều và phải có niềm đam mê với nghề. Việc nuôi dê, nhím, cá kiểng và chim yến... cũng đòi hỏi nguồn vốn và kỹ thuật cao mới đem lại hiệu quả. Do đó, số hộ làm nông nghiệp ở nông thôn TP.HCM giảm mạnh và đa số là chuyển sang hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, như lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

## **2. Sự chuyển đổi cơ cấu việc làm ở nông dân**

Trong quá khứ, hoạt động nông nghiệp của nông dân đã góp phần đáng kể đến quá trình phát triển của TP.HCM, đặc biệt kể từ sau năm 1975. Tuy nhiên, dưới sự tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa và CNH,

HDH, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đã dẫn đến sự chuyển đổi việc làm của đại bộ phận nông dân TP.HCM. Đó là chuyển đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Trong đó, tỷ lệ lao động làm nông nghiệp trên hai phương diện: hộ và nhân khẩu đều giảm mạnh; ngược lại, tỷ lệ lao động mang tính phi nông nghiệp tăng lên; trong đó tăng mạnh nhất là các công việc như công nhân, các hoạt động phi nông nghiệp mang tính tư nhân như buôn bán nhỏ, kinh doanh nhà trọ, làm thuê, công nhân viên nhà nước...

Cụ thể hơn, khi phân tích các nhân khẩu mà chúng tôi khảo sát được trong độ tuổi lao động của hai mốc thời gian: năm 1997 và năm 2010, cho thấy có sự chênh lệch rất rõ về số lượng và tỷ lệ nhân khẩu làm nông nghiệp và phi nông nghiệp.

**Bảng 3:** Công việc của nhân khẩu trong độ tuổi lao động

| Công việc                           | Năm 2010             |              | Năm 1997             |              |
|-------------------------------------|----------------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                     | Tần suất (nhân khẩu) | Tỷ lệ %      | Tần suất (nhân khẩu) | Tỷ lệ %      |
| Nông nghiệp                         | 552                  | 26.3         | 1188                 | 69.8         |
| Công nhân                           | 391                  | 18.6         | 69                   | 4.1          |
| Công nhân viên nhà nước             | 156                  | 7.4          | 55                   | 3.2          |
| Công việc phi nông nghiệp tư nhân   | 246                  | 11.7         | 47                   | 2.8          |
| Công việc không có thu nhập ổn định | 369                  | 17.6         | 95                   | 5.6          |
| Hưu trí/mất sức                     | 38                   | 1.8          | 31                   | 1.8          |
| Thất nghiệp                         | 61                   | 2.9          | 3                    | 0.2          |
| Không tham gia công việc            | 0                    | 0.0          | 143                  | 8.4          |
| HS/SV                               | 288                  | 13.7         | 71                   | 4.2          |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>2101</b>          | <b>100.0</b> | <b>1702</b>          | <b>100.0</b> |

Nếu trong năm 1997, nhân khẩu trong độ tuổi lao động làm nông nghiệp chiếm 69,8%, thì đến năm 2010, con số này chỉ còn 26,3%; giảm đi 43,5%. Đối với những công việc mang tính phi nông nghiệp như công nhân, nhân viên nhà nước, nhân viên

tư nhân... tỷ lệ nhân khẩu trong độ tuổi lao động ở năm 2010 tham gia đông hơn so với năm 1997. Việc chuyển đổi nghề nghiệp như trên được biểu hiện cụ thể dưới yếu tố như:

**– Chọn nghề phù hợp với độ tuổi:**

Phân tích số liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy độ tuổi là một trong những nhân tố mà người dân chọn lựa công việc của mình.

**Bảng 4:** Độ tuổi lao động tham gia các công việc năm 2010

| Công việc                           | Phân loại tuổi lao động năm 2010 |                 |                 |                 | Tổng cộng      |
|-------------------------------------|----------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
|                                     | Độ tuổi 15 – 25                  | Độ tuổi 26 – 36 | Độ tuổi 37 – 46 | Độ tuổi 47 – 60 |                |
| Nông nghiệp                         | 1.6%                             | 5.6%            | 8.9%            | 10.4%           | 26.5%          |
| Công nhân                           | 7.7%                             | 7.7%            | 1.7%            | 0.7%            | 17.9%          |
| Công nhân viên nhà nước             | 1.6%                             | 3.2%            | .8%             | 1.5%            | 7.1%           |
| Công việc phi nông nghiệp tư nhân   | 2.4%                             | 4.7%            | 2.8%            | 1.8%            | 11.7%          |
| Công việc không có thu nhập ổn định | 2.8%                             | 5.4%            | 3.9%            | 6.4%            | 18.6%          |
| Hưu trí/mất sức                     | 0.0%                             | 0.4%            | 0.3%            | 1.6%            | 2.2%           |
| Thất nghiệp                         | 1.3%                             | 0.8%            | 0.1%            | 0.6%            | 2.8%           |
| HS/SV                               | 12.9%                            | 0.3%            | 0.0%            | 0.0%            | 13.2%          |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>30.3%</b>                     | <b>28.1%</b>    | <b>18.6%</b>    | <b>23.0%</b>    | <b>100.0 %</b> |

Trong đó, những người làm nông nghiệp thường có độ tuổi cao hơn (từ 37 đến 60 tuổi) so với những người làm công nhân và công việc phi nông nghiệp tư nhân. Những người có độ tuổi thấp (từ 15 đến 36 tuổi) tham gia làm nông nghiệp ít (chỉ chiếm từ 1,6% đến không quá 6%), họ chủ yếu làm những công việc phi nông nghiệp. Thực tế này, nếu so với thời điểm năm 1997, tỷ lệ hoàn toàn khác biệt.

**Bảng 5:** Độ tuổi lao động tham gia vào các công việc trong năm 1997

| Công việc   | Độ tuổi lao động năm 1997 |                 |                 |                 | Tổng cộng |
|-------------|---------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------|
|             | Độ tuổi 15 – 25           | Độ tuổi 26 – 36 | Độ tuổi 37 – 46 | Độ tuổi 47 – 60 |           |
| Nông nghiệp | 14.6%                     | 20.0%           | 16.8%           | 18.3%           | 69.8%     |
| Công nhân   | 2.0%                      | 1.6%            | 0.4%            | 0.1%            | 4.1%      |

|                                     |              |              |              |              |                |
|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------|
| Công nhân viên nhà nước             | 0.9%         | 0.6%         | 1.1%         | 0.5%         | 3.2%           |
| Công việc phi nông nghiệp tư nhân   | 0.8%         | 1.0%         | 0.6%         | 0.3%         | 2.8%           |
| Công việc không có thu nhập ổn định | 2.0%         | 1.8%         | 0.9%         | 0.9%         | 5.6%           |
| Hưu trí/mất sức                     | 0.4%         | 0.2%         | 0.2%         | 1.0%         | 1.8%           |
| Thất nghiệp                         | 0.1%         | 0.1%         | 0.0%         | 0.1%         | .2%            |
| HS/SV                               | 7.9%         | 0.4%         | 0.1%         | 0.0%         | 8.4%           |
| Không tham gia công việc            | 2.5%         | 0.6%         | 0.5%         | 0.5%         | 4.2%           |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>31.3%</b> | <b>26.3%</b> | <b>20.7%</b> | <b>21.7%</b> | <b>100.0 %</b> |

Năm 1997, nhân khẩu tham gia làm nông nghiệp được phân đều trong các độ tuổi và có tỷ lệ cao hơn nhiều lần so với những người làm các công việc mang tính phi nông nghiệp. Nhân khẩu ở độ tuổi từ 26 – 36, có tỷ lệ tham gia làm nông nghiệp cao nhất so với các độ tuổi khác, cũng như so với các ngành nghề khác. Và trong năm này, nhân khẩu làm nông nghiệp được phân đều trên các độ tuổi, nhưng đến năm 2010, những người làm nông nghiệp đa phần ở độ tuổi trung niên trở lên. Điều này chứng tỏ, so với năm 1997, nhóm nhân khẩu lao động hiện nay đã có sự chuyển đổi mạnh trong việc chọn lựa nghề nghiệp của họ.

Nhìn chung, việc lựa chọn công việc nông nghiệp phản ánh lựa chọn duy lý của các cá thể trên 36 tuổi; và sự lựa chọn công việc phi nông nghiệp phản ánh sự lựa chọn duy lý của các cá thể từ 15 đến 36 tuổi. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi cũng thấy được có sự lựa chọn duy lý của các doanh nghiệp trong việc tuyển dụng nguồn nhân lực. Đó là phía các doanh nghiệp thường ưu tiên tuyển dụng công nhân trong độ tuổi dưới 36 tuổi (điều này được phản ánh thông qua các thông tin tuyển dụng việc làm của các doanh nghiệp), có thể đây là độ tuổi trẻ, làm việc có năng suất cao hơn và ít ốm đau hơn. Do vậy, những lựa chọn của các cá thể trong quá trình sinh tồn đều có sự tính toán

sao cho phù hợp với điều kiện, khả năng của bản thân.

– **Chọn công việc phù hợp với trình độ học vấn:** Phân tích số liệu khảo sát định lượng năm 2010 của đề tài, cho thấy rằng, những người làm nông nghiệp đa phần đều có trình độ học vấn thấp, chủ yếu ở bậc tiểu học (chiếm 10,5%) và trung học cơ sở (chiếm 10,3%). Trong khi đó, các công việc khác như công nhân, công nhân viên nhà nước và công việc mang tính phi nông nghiệp tư nhân... đều thu hút những người có trình độ học vấn cao, từ bậc trung học phổ thông cơ sở trở lên. Đây là một trong các tiêu chí tuyển dụng lao động của các cơ quan nhà nước và các công ty, xí nghiệp... Có nhiều hộ gia đình muốn con em của mình tham gia làm công nhân, nhưng vì trình độ học vấn thấp, nên không thể xin việc được.

Qua khảo sát, có thể thấy, không phải ai cũng có thể bỏ nghề nông để làm công nhân, nếu trình độ học vấn của họ không đáp ứng đúng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Tùy theo trình độ mà người dân chọn những công việc phù hợp, nhưng vẫn theo xu hướng “ly nông”.

– **Mối quan hệ trong gia đình:** Qua phân tích số liệu khảo sát định lượng của đề tài năm 2010, cho thấy, những người trong độ tuổi lao động hiện đang làm nông nghiệp thường giữ vai trò *chủ hộ* hoặc *vợ/chồng chủ hộ* (chiếm 17,4%). Khi phỏng vấn, chúng tôi được biết, bản thân của các *chủ hộ* hoặc *vợ/chồng chủ hộ* làm nông nghiệp hiện nay là *con của những chủ hộ làm nông nghiệp trước năm 1997*. Do thừa hưởng đất nông nghiệp của gia đình, nên họ tiếp tục nghề nông truyền thống. Nhưng sau năm 1997, đa phần con cháu của họ lại không tiếp nối nghề nông mà làm những

công việc phi nông nghiệp, vì có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng. Chính vì thế, bảng phân tích trên cho thấy, *con và dâu/rẻ* trong gia đình nông dân hiện nay chủ yếu làm các việc như *công nhân* (chiếm 16%), *nhân viên nhà nước* (chiếm 5,3%), *công việc phi nông nghiệp tư nhân* (chiếm 7,9%),... trong khi đó, *làm nông nghiệp* chỉ chiếm 8,6% số người trong độ tuổi lao động.

Nếu so với năm 1997, tỷ lệ này hoàn toàn khác. Năm 1997, tỷ lệ *con và dâu/rẻ* trong gia đình tham gia làm nông nghiệp chiếm đến 16,2%; cao hơn rất nhiều lần so với tỷ lệ làm công nhân (chiếm 2,1%), nhân viên nhà nước (chiếm 1,3%), công việc phi nông nghiệp tư nhân (1,2%)... Điều này chứng tỏ, quan hệ trong gia đình cũng là nhân tố tác động đến việc chọn nghề của nhân khẩu lao động.

Từ những phân tích trên cho thấy, cơ cấu việc làm của nông dân TP.HCM hiện nay đã có sự chuyển đổi rất lớn trong quá trình CNH, HĐH, nhất là từ năm 1997 trở lại đây.

Nguyên nhân chuyển đổi việc làm của nông dân, chúng tôi nhận thấy có hai yếu tố chính tác động như sau:

#### ***Sự biến động diện tích đất nông nghiệp của các hộ nông dân:***

Trong 600 phiếu điều tra ở các quận, huyện ngoại thành TP.HCM, chúng tôi tập trung tìm hiểu các loại đất như đất trồng lúa, đất trồng rau màu, đất trồng mai, đất trồng cây lâu năm, đất dùng để đào ao nuôi tôm, cá... mà người dân TP.HCM đã và đang sở hữu. Khi phân tích cho thấy, các loại đất này đều có sự thay đổi kể từ sau năm 1997. Trong đó, loại đất thay đổi nhiều nhất và được nhìn thấy rõ nét nhất là đất *trồng lúa* (chiếm 82,0% hộ có đất thay

đổi), tiếp theo là các loại đất như *đất trồng mai* (chiếm 5,9%), *đất dùng để đào ao nuôi tôm, cá* (chiếm 3,4%), *đất trồng rau màu, đất trồng cây lâu năm*... Việc thay đổi này diễn ra theo hai chiều hướng: *diện tích tăng và diện tích giảm*, tùy theo từng loại đất.

**Bảng 6:** Diện tích đất nhiều nhất của một hộ trong năm 1997 và năm 2010

| Loại đất                 | Năm 1997      |              | Năm 2010      |              |
|--------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
|                          | Tần suất (hộ) | Tỷ lệ %      | Tần suất (hộ) | Tỷ lệ %      |
| Lúc đó chưa có đất       | 2             | 0.3          | –             | –            |
| Đất trồng lúa            | 487           | 81.2         | 197           | 32.8         |
| Ruộng muối               | 2             | 0.3          | 3             | 0.5          |
| Đất trồng rau, màu       | 19            | 3.2          | 48            | 8.0          |
| Đất trồng mai            | 53            | 8.8          | 51            | 8.5          |
| Đất trồng cây lâu năm    | 13            | 2.2          | 54            | 9.0          |
| Đất thổ cư               | 14            | 2.3          | 106           | 17.7         |
| Ao nuôi tôm, cá          | 6             | 1.0          | 98            | 16.3         |
| Đất nông nghiệp bỏ hoang | 4             | 0.7          | 43            | 7.2          |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>600</b>    | <b>100.0</b> | <b>600</b>    | <b>100.0</b> |

Trong đó, đất có diện tích giảm rất mạnh so với năm 1997, là *đất trồng lúa* (có tỷ lệ giảm đến gần 50% hộ khảo sát), *đất trồng mai* (giảm khoảng 0,3%), nhưng cũng có những loại đất có diện tích tăng, như đất dùng để đào ao nuôi tôm, cá (tăng từ 1,0% của năm 1997 lên đến 16,3% hiện nay), *đất trồng rau màu* (tăng từ 3,2% lên đến 8,0%)... đặc biệt là *đất nông nghiệp bỏ hoang* có tỷ lệ tăng đáng kể (tăng đến gần 7% so với năm 1997). Đất thổ cư, tuy không thuộc đất nông nghiệp, nhưng qua bảng phân tích trên cũng cho thấy có tỷ lệ tăng rất lớn (trên 15% so với trước đó). Điều này có nghĩa là, *đất trồng lúa* của nông dân vào năm 1997 đã được chuyển đổi mạnh sang các loại đất khác như đào ao nuôi tôm cá, chuyển lên thành đất trồng cây lâu năm, và đặc biệt là bỏ hoang vì không

thể tiếp tục canh tác, hay được dùng để chuyển sang làm đất ở (đất thổ cư).

Sự chuyển đổi này là yếu tố làm cho diện tích đất trung bình của mỗi hộ nông dân giảm so với năm 1997. Qua phân tích số liệu khảo sát cho thấy, vào năm 1997, trung bình mỗi hộ nông dân ở TP.HCM có khoảng 7.685,2m<sup>2</sup> đất, nhưng đến năm 2010, còn số này chỉ còn 4.944,2m<sup>2</sup>, giảm gần ½ so với trước đó. Chính việc sụt giảm đất trong từng hộ gia đình là một trong những nhân tố tác động đến sự chuyển đổi nghề nghiệp của các nhân khẩu nông dân trong những năm qua.

#### ***Tính duy lý của người nông dân:***

Như đã đề cập, lựa chọn duy lý là học thuyết của các nhà kinh tế khi đề cập đến hành vi của con người trong các hoạt động kinh tế của họ. Trong hoạt động kinh tế, con người luôn hướng các hành vi của họ đến mục đích là tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu những chi phí. Samuel Popkin khi nghiên cứu về sự lựa chọn duy lý của nông dân Việt Nam vào năm 1979 đã từng đề cập, nông dân Việt Nam là những người luôn sẵn sàng nắm bắt cơ hội và chấp nhận rủi ro để tăng mức sinh tồn và thường sẵn sàng đánh cược vào các cải tiến...<sup>(3)</sup> nhưng không nắm chắc được các lợi thế và mức độ thành công của nó. Khi nghiên cứu về nông dân TP.HCM, chúng tôi nhận thấy quan điểm trên phản ánh đúng đối với phương diện chuyển đổi việc làm.

Không phải ngẫu nhiên mà khu phòng trọ ở các quận vùng ven và các huyện ngoại thành của TP.HCM ngày một phát triển mà là do nhu cầu chỗ ở tăng cao. Nguyên nhân là do sự ra đời ngày một nhiều các khu chế xuất, khu công nghiệp tại các khu vực nông thôn và ngoại thành của thành phố, đi kèm

với nó là các công nhân ngoài tỉnh đến sinh sống và làm việc; sự tác động của các dự án chỉnh trang đô thị trong nội thành TP.HCM đã kéo theo nhiều hộ bị giải tỏa đã ra vùng ngoại thành mua đất cất nhà; Ngoài ra còn hiện tượng phát triển của các cơ sở đào tạo và số sinh viên cũng tăng không ít. Chính điều này đã làm tăng dân số cơ học và tăng nhu cầu chỗ ở tại khu vực thành phố nói chung và nông thôn nói riêng trong thời gian qua.

Khi khảo sát các hộ nông dân ở quận 7, Thủ Đức và Bình Chánh vào giữa năm 2010, chúng tôi nhận thấy thu nhập trung bình hàng tháng của một hộ có 5 phòng trọ là từ 2,5 triệu đến 4 triệu đồng. Chi phí bỏ ra để xây 5 phòng trọ, ước tính khoảng từ 35 đến 40 triệu. Như vậy, sau khoảng một năm cho thuê, chủ nhà trọ đã thu lại nguồn vốn ban đầu. Tiền thu của những năm tiếp theo là tiền lãi của họ. Ước tính, sau khi đã hoàn vốn, mỗi năm những hộ nông dân này sẽ thu được từ 30 triệu đến 48 triệu đồng. Nếu các hộ nông dân dùng quỹ đất ấy để sản xuất nông nghiệp, trong một năm sẽ không có được nguồn thu lớn này. Hoặc có nhiều hộ nông dân bán đất nông nghiệp, như nông dân ở các huyện Nhà Bè, Bình Chánh và một số quận vùng ven như quận 2, 8, 9, Thủ Đức đã bán rất nhiều đất nông nghiệp của mình. Số liệu mà chúng tôi đã phân tích được cho thấy có đến 32,8% trên tổng số 600 hộ khảo sát đã bán đất nông nghiệp của mình vào thời điểm năm 1999 – 2002. Số tiền có được từ việc bán đất, nông dân dùng vào các việc như chia cho con cái, xây nhà mới, mua mới các loại đồ dùng và phương tiện đi lại... trong đó, đa phần nông dân chọn việc rất thiết thực là gửi ngân hàng để lấy lãi chi tiêu cho cuộc sống hằng ngày.

Từ những tư liệu trên cho thấy, nông dân TP.HCM đã có những lựa chọn hợp lý cho cuộc sống của mình nhằm phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. Do đó, không phải nông dân nào ở TP.HCM cũng có lựa chọn chuyển đổi công việc như nhau.

Việc nông dân TP.HCM bỏ hẳn nghề nông hoặc chuyển đổi phương thức canh tác, chuyển đổi vật nuôi cây trồng, hay

chọn cách tìm thêm những công việc phụ là hoàn toàn mang tính *duy lý*, nghĩa là có sự tính toán “kỹ lưỡng” trong công việc, đặc biệt là đối với những gia đình hiện nay đang còn nhân khẩu làm nông nghiệp.

Phân tích ma trận về phân bố việc làm của nhân khẩu trong độ tuổi lao động ở các hộ nông dân TP.HCM, cho thấy rõ tính *duy lý* của các hộ nông dân như bảng 7.

**Bảng 7:** Ma trận giữa số nhân khẩu đi làm và nhân khẩu làm nông nghiệp trong hộ

|                                                            |   | Số người đang đi làm trong gia đình năm 2010 |            |           |           |           |           |          |          | Tổng cộng  |
|------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|------------|
|                                                            |   | 1                                            | 2          | 3         | 4         | 5         | 6         | 7        | 8        |            |
| Số lượng nhân khẩu làm nông nghiệp chính trong hộ hiện nay | 1 | 31                                           | 56         | 33        | 15        | 10        | 1         | 1        | 1        | 148        |
|                                                            | 2 | 0                                            | 87         | 37        | 19        | 14        | 7         | 1        | 0        | 165        |
|                                                            | 3 | 0                                            | 0          | 10        | 5         | 5         | 0         | 1        | 1        | 22         |
|                                                            | 4 | 0                                            | 0          | 0         | 17        | 1         | 4         | 1        | 0        | 23         |
|                                                            | 5 | 0                                            | 0          | 0         | 0         | 1         | 2         | 0        | 0        | 3          |
| <b>Tổng cộng</b>                                           |   | <b>31</b>                                    | <b>143</b> | <b>80</b> | <b>56</b> | <b>31</b> | <b>14</b> | <b>4</b> | <b>2</b> | <b>361</b> |

Trong 600 hộ khảo sát vào năm 2010, có 361 hộ còn nhân khẩu trong độ tuổi lao động làm nông nghiệp. Khi phân tích ma trận tương quan giữa *số nhân khẩu đi làm* và *số nhân khẩu làm nông nghiệp* trong từng hộ cho thấy, *trong một hộ, số nhân khẩu làm công việc phi nông nghiệp luôn nhiều hơn số nhân khẩu làm nông nghiệp*.

Như trong 361 hộ trên bảng phân tích, có 31 hộ hiện đang có 5 nhân khẩu đi làm, nhưng chỉ 1 hộ có tất cả 5 nhân khẩu cùng làm nông nghiệp; 1 hộ có 4 nhân khẩu làm nông nghiệp; 5 hộ có 3 nhân khẩu làm nông nghiệp; nhưng có tới 14 hộ chỉ có 2 nhân khẩu làm nông nghiệp và 10 hộ có 1 nhân khẩu làm nông nghiệp. Phân tích tương tự như vậy ở những hộ khác, cũng cho thấy có rất ít hộ dành toàn bộ nhân khẩu tham gia vào nông nghiệp; đa phần đều có sự phân chia, trong đó số nhân khẩu làm nông nghiệp trong một hộ luôn ít hơn số nhân khẩu làm phi nông nghiệp.

Đây chính là sự lựa chọn có tính toán của nông dân TP.HCM hiện nay trong việc

phân phối nhân khẩu tham gia các công việc để nuôi sống gia đình. Điều này, khi khảo sát chúng tôi luôn nhận được sự giải thích khá thấu đáo của các chủ hộ. Họ cho rằng, thu nhập từ nông nghiệp là thấp và không ổn định do còn chịu nhiều rủi ro từ bên ngoài như thời tiết, thiên tai, thị trường... trong khi đó, nông dân TP.HCM là nông dân trong đô thị, có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm phi nông nghiệp.

Nhìn chung, tính *duy lý* mà nông dân TP.HCM lựa chọn đều dựa trên “cái vốn” thực tại mà họ có được, như trình độ học vấn, độ tuổi, điều kiện gia đình, điều kiện bản thân, điều kiện xã hội... Tùy theo vốn thực tại đó mà họ lựa chọn, chuyển đổi công việc hoặc phân công nhân khẩu lao động cho phù hợp. Do đó, có những người bỏ nghề nông để chuyển sang làm phi nông nghiệp, nhưng cũng có những người làm ngược lại; hoặc có những gia đình chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, giảm bớt nhân khẩu tham gia nông nghiệp, nhưng cũng có những gia đình bán hết đất nông nghiệp của

mình... Tất cả những việc chuyển đổi đó đều có sự toan tính của người trong cuộc và sự tác động mạnh từ bên ngoài.

### 3. Kết luận

Sự vận động, chuyển đổi và phát triển của nông dân, nông thôn thành phố trong thời gian qua và cả trong tương lai, bên cạnh vai trò của Nhà nước thì sự nỗ lực, sự lựa chọn duy lý, có tính toán của mỗi cá nhân, gia đình cũng là một yếu tố rất quan trọng. Có thể thấy rằng, mỗi cá nhân đều có sự lựa chọn duy lý tính toán nhưng những cá nhân có nhiều tiềm năng về yếu tố như vốn, mối quan hệ xã hội, học vấn, kỹ năng... sẽ có nhiều cơ hội, điều kiện đạt mục tiêu hành động dễ dàng hơn chủ thể ít tiềm năng.

Cơ cấu nông – lâm nghiệp – thủy sản ở nông thôn thành phố chiếm tỷ trọng không lớn so với các ngành kinh tế khác, nhưng nó cũng có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế của TP.HCM. Đây là ngành kinh tế truyền thống của người dân nông thôn, vẫn còn thu hút khá đông lực lượng lao động tham gia.

Nông dân TP.HCM rất nhạy bén với kinh tế thị trường và họ cũng rất mạnh dạn trong việc đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và có những sự lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với từng thành viên trong gia đình nhằm phân tán rủi ro, đảm bảo thu nhập.

Việc làm của người nông dân TP.HCM tập trung vào ba xu hướng chính: (1) Phần lớn những thành viên trẻ tuổi (từ 18 – 35 tuổi) tập trung lựa chọn các công việc phi nông nghiệp; (2) một bộ phận khá lớn nông dân bỏ hẳn nghề nông, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây nhà trọ cho thuê, buôn bán nhỏ, làm các dịch vụ thương mại; (3) một bộ phận nông dân còn lại vẫn cố gắng giữ công việc sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi phương thức canh tác, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường đô thị.

Nông thôn TP.HCM đang trong quá trình vận động và phát triển theo chiều hướng của một đô thị nhằm góp phần giảm tải cho khu vực nội đô. Sự phát triển đó được khẳng định một cách rõ nét hơn, khi TP.HCM đẩy mạnh tiến trình xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Chính Phủ. Trong khoảng từ 5 đến hơn 10 năm tới, khi nông thôn của TP.HCM đạt được tiêu chuẩn nông thôn mới, nghĩa là đạt được 19 tiêu chí, thì cơ sở hạ tầng, kinh tế – xã hội, văn hóa, môi trường, an ninh – trật tự... thì hình ảnh nông dân, nông thôn, kinh tế nông thôn của TP.HCM sẽ tiếp tục chuyển hóa mạnh mẽ theo chiều hướng *công nghiệp – thương mại – dịch vụ, nông – lâm thủy sản*.

\*

## OB TRANSFORMATION OF FARMERS IN HO CHI MINH CITY UNDER THE IMPACT OF INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION

Le Thi My Ha

*Ho Chi Minh City for Institute of Development Studies*

### ABSTRACT

*Under the impact of industrialization and modernization, the industry structure of farmers in Ho Chi Minh City have switched quickly from agriculture to non – agriculture. The*

*proportion of agricultural laborers in both the number of households and individuals decrease while the proportion of non – agriculture workers increases. Many farmers have become workers, small traders, housing service providers, or freelance workers. The shift is caused due to the change of agricultural land area, education levels, family relationships, etc.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Lê Thị Mỹ Hà (chủ nhiệm), *Nông dân, nông thôn TP.HCM trong quá trình CNH, HĐH*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM, 2012.
- [2] Lê Văn Năm, *Nông dân ngoại thành TP. Hồ Chí Minh trong tiến trình đô thị hóa*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2007
- [3] Popkin, S., *The Rational Peasants: The Political Economy of Rural Society in Vietnam*, University of California Press, 1979.
- [4] Báo cáo sơ bộ *Điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản TP.HCM năm 2011*, Cục thống kê TP.HCM 2012.
- [5] Ủy ban Nhân dân huyện Nhà Bè, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế – xã hội 5 năm (2001 – 2005) và phương hướng nhiệm vụ 5 năm (2006 – 2010)*, 2005.